

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC
NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG



BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC
NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG



Đà Nẵng, Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC
NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC
NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng, Năm 2024

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG	2
PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	3
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải:	3
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.....	8
3. Về quản lý chất thải rắn	8
Chất thải rắn sinh hoạt:.....	8
4. Về quản lý chất thải nguy hại:	9
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	9
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:	9
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:	9
6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có): Không có	10

Số: 37 /CV-AHT

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ môi trường TP Đà Nẵng – Sở TNMT TP Đà Nẵng

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng (AHT)
- Địa chỉ: Cảng HKQT Đà Nẵng, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Số điện thoại: 0236.3817878 - Fax: 0236. 3837878
- Người đại diện: Hồ Thế Anh - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Loại hình kinh doanh: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.
- Quy mô hoạt động: Đầu tư và khai thác Nhà ga hành khách quốc tế
 - Công suất hoạt động : 6 triệu khách/ năm
 - Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh: 0401687781, Mã số thuế: 0401687781
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM, số: 2726 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.
- Công văn chấp thuận đấu nối thoát nước, số: 418/CV-CHKQTĐN ngày 28 tháng 03 năm 2017 của Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng (DIA).
- Sổ đăng ký Chủ nguồn thải CTNH, Mã số QLCTNH: 48.000438.T
- Khối lượng sản phẩm:
 - Năm 2023: khoảng 5 triệu hành khách (cả đi và đến).
- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ:

Bảng 2: Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm 2022 và 2023 của AHT

STT	Nội dung	2022	2023
2	Dầu (lít)	7.824	3800
3	Điện (kWh)	8.727.840	14.496.660
4	Nước (m ³)	62.283	131.798

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải:

1.1. Xử lý nước thải:

Lưu lượng nước thải tại Công ty từ tháng 01 - 12/2023

STT	Tháng	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /tháng)
1	01/2023	6.397
2	02/2023	7.463
3	03/2023	7.827
4	04/2023	9.714
5	05/2023	11.341
6	06/2023	14.884
7	07/2023	12.735
8	08/2023	15.621
9	09/2023	14.931
10	10/2023	11.158
11	11/2023	10.423
12	12/2023	9.304
-	Tổng	131.798

1.2. Kết quả quan trắc nước thải:

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải:

1.2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt:

- Thời gian quan trắc:
- + Đợt 1: 21/04/2023; Đợt 2: 15/06/2023; Đợt 3: 11/09/2023; Đợt 4: 19/12/2023
- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc:
NT₁: Nước thải ngay sau trạm xử lý
NT₂: Điểm tiếp nhận nước thải của hệ thống thoát nước Cảng HKQTĐN
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, K=1)

Tổng Nito	36,3	23,5	mg/L	-	Đ
Tổng Photpho	5,29	5,24	mg/L	-	Đ
Dầu mỡ ĐTV	4,2	2,7	mg/L	≤ 20	Đ
Chất hoạt động bề mặt	0,88	1,31	mg/L	≤ 10	Đ
E. Coli	< 3	< 3	MPN/100mL	-	Đ
Coliform	150	75	MPN/100mL	≤ 5.000	Đ
Thông số	Quý 2		ĐVT	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)	Đánh giá nước thải đầu ra so với Cột B
	NT ₁	NT ₂			
pH	7,3	7,2	-	5 – 9	Đ
Lưu lượng	34	36	m ³ /h	-	Đ
Nhiệt độ	23,5	25,1	°C	-	Đ
Độ đục	< 0,5	4,4	NTU	-	Đ
TSS	7	< 2	mg/L	≤ 100	Đ
BOD	18	16	mg/L	≤ 50	Đ
COD	34	< 30	mg/L	-	Đ
Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	1,50	3,15	mg/L	≤ 10	Đ
Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	44,97	33,02	mg/L	≤ 50	Đ
Tổng Nito	48,5	45,1	mg/L	-	Đ
Tổng Photpho	1,94	2,12	mg/L	-	Đ
Dầu mỡ ĐTV	3,8	1,3	mg/L	≤ 20	Đ
Chất hoạt động bề mặt	1,91	1,95	mg/L	≤ 10	Đ
E. Coli	< 3	< 3	MPN/100mL	-	Đ
Coliform	< 3	< 3	MPN/100mL	≤ 5.000	Đ
Thông số	Quý 3		ĐVT	QCVN 14:2008	

	NT ₁	NT ₂		/BTNMT (Cột B)	Đánh giá nước thải đầu ra so với Cột B
pH	7,3	7,3	-	5 – 9	Đ
Lưu lượng	28,3	28,5	m ³ /h	-	Đ
Nhiệt độ	10,9	10,3	°C	-	Đ
Độ đục	5,86	6,20	NTU	-	Đ
TSS	7	< 2	mg/L	≤ 100	Đ
BOD	21	16	mg/L	≤ 50	Đ
COD	< 30	< 30	mg/L	-	Đ
Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	< 0,03	< 0,03	mg/L	≤ 10	Đ
Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	3,73	8,00	mg/L	≤ 50	Đ
Tổng Nito	9,6	9,4	mg/L	-	Đ
Tổng Photpho	5,93	5,86	mg/L	-	Đ
Dầu mỡ ĐTV	1,2	< 0,3	mg/L	≤ 20	Đ
Chất hoạt động bề mặt	0,44	0,41	mg/L	≤ 10	Đ
E. Coli	< 3	< 3	MPN/100mL	-	Đ
Coliform	9	< 3	MPN/100mL	≤ 5.000	Đ
Thông số	Quý 4		ĐVT	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)	Đánh giá nước thải đầu ra so với Cột B
	NT ₁	NT ₂			
pH	7,2	7,1	-	5 – 9	Đ
Lưu lượng	26,5	27,0	m ³ /h	-	Đ
Nhiệt độ	11	10,5	°C	-	Đ
Độ đục	< 0,5	< 0,5	NTU	-	Đ
TSS	< 2,0	< 2,0	mg/L	≤ 100	Đ
BOD	16,2	17,4	mg/L	≤ 50	Đ
COD	< 30,0	< 30,0	mg/L	-	Đ

Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	1,26	0,44	mg/L	≤ 10	Đ
Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	0,85	11,4	mg/L	≤ 50	Đ
Tổng Nito	8,4	15,3	mg/L	-	Đ
Tổng Photpho	< 0,01	< 0,01	mg/L	-	Đ
Dầu mỡ ĐTV	12,5	3,4	mg/L	≤ 20	Đ
Chất hoạt động bề mặt	0,74	0,68	mg/L	≤ 10	Đ
E. Coli	< 3	< 3	MPN/100mL	-	Đ
Coliform	9	< 3	MPN/100mL	≤ 5.000	Đ

* Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Đánh giá các số liệu và kết quả quan trắc theo từng khu vực so sánh theo QCVN được phê duyệt theo Đề án BVMT chi tiết, ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương:

+ Các chỉ tiêu nước thải như (Bảng 5) lấy tại vị trí sau hệ thống xử lý nước thải đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Kết quả quan trắc đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học.

Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Hoạt động của công ty không có phát sinh khí thải

Về quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt:

Căn cứ theo hợp đồng số 01/2023/HD –RTHC giữa Công ty Cp Đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Đà Nẵng, về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, kết quả thực hiện như sau:

Bảng 5. Bảng thống kê CTRSH của AHT

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng năm 2023	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2022
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1586 (tấn)	Công ty cổ phần môi trường đô thị Đà Nẵng	295 (tấn)

Về quản lý chất thải nguy hại:

Căn cứ theo hợp đồng số 51/2023/HĐKT-CTNH ngày 03/01/2023 (và các phụ lục hợp đồng kèm theo) giữa Công ty CP đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, kết quả thực hiện như sau:

Bảng 6. Bảng thống kê CTNH của AHT

Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg)	Khối lượng năm 2023 (kg)
Chất hấp thụ, vật liệu lọc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	TĐ- HR	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh	1332	906
Dầu thải	15 01 07	TC		363	
Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	TĐ- HR		360	
Tổng số lượng				2.055	906

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, Công ty đang triển khai và dần hoàn thiện các quy trình, quy định, hướng dẫn liên quan

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

Công ty đã thiết lập, ban hành áp dụng các quy trình, hướng dẫn, checklist công việc liên quan đến công tác vận hành hệ thống bảo vệ môi trường.

Trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động cho nhân viên như: quần áo, găng tay, khẩu trang, giày, ... và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nhân viên sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng cách.

Thường xuyên kiểm tra, quan trắc, phân tích số liệu để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống.

Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt, tránh xảy ra các sự cố tai nạn do hư hỏng.

Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải.

Lồng ghép các nội dung phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường vào các phương án, quy định PCCC & CHCN của Công ty:

- Đặt các biển cảnh báo, trang bị các phương tiện, dụng cụ PCCC (bình chữa cháy, thùng cát, hệ thống bơm nước và vòi nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường ...)

tại các khu vực trong Nhà ga.

- Vật dụng, thùng đựng dung môi, hóa chất đảm bảo an toàn kỹ thuật, khả năng chịu ăn mòn, chịu nhiệt, cách xa khu vực có nhiệt độ cao, khu vực có tia lửa.

- Trạm xử lý, kho chứa rác được xây dựng có cửa thông gió, quạt hút nên trong trường hợp sự cố, khói thải dễ dàng thoát ra bên ngoài.

- Thành lập Đội PCCC & CHCN cơ sở. Định kỳ tổ chức tập huấn và diễn tập.

5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở:

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở.

Xây dựng quy trình liên lạc và báo động khi xảy ra sự cố :

- Thiết lập lưu đồ liên lạc khẩn cấp.

- Danh sách số điện thoại liên hệ nội bộ và cơ quan chức năng bên ngoài khi xảy ra sự cố khẩn cấp.

6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có): Không có



TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ THẾ ANH

